

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THUẬN THÀNH PHÁT**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THUẬN THÀNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301252004

**3. Ngày thành lập:** 17/07/2023

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Phố Mới, Phường Ninh Xá, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0971179888

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                           | 4390        |
| 4.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                           | 7110        |
| 5.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                | 7410        |
| 6.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                             | 1621        |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện      | 1629        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                | 4933        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                     | 5222        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                       | 5225        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                           | 5229        |
| 12. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                    | 7820        |
| 13. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                            | 7830        |
| 14. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                | 3811        |
| 15. | Thu gom rác thải độc hại                                                                      | 3812        |
| 16. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                      | 3821        |
| 17. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                            | 3822        |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                             | 4101(Chính) |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                       | 4102        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                  | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                      | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                           | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                            | 4223        |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                             | 4229        |
| 25. | Xây dựng công trình thủy<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy; Hoạt động nạo vét đường thủy. | 4291        |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                    | 4299        |
| 27. | Phá dỡ                                                                                        | 4311        |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                             | 4312        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ ĐĂNG<br>CƯỜNG           | Khu phố Bùi Xá,<br>Phường Ninh Xá,<br>Thị xã Thuận<br>Thành, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.800.0<br>00 | 18.000.000.000           | 90,000       | 0270820032<br>26                                                                                                       |            |
|     |                            |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Tổng số                            | 1.800.0<br>00 | 18.000.000.000           | 90,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM THỊ<br>THANH<br>HUYỀN | Khu phố Bùi Xá,<br>Phường Ninh Xá,<br>Thị xã Thuận<br>Thành, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 5,000        | 0271860032<br>78                                                                                                       |            |
|     |                            |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                            |                                                                                         | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 5,000        |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                           |                                    |         |               |       |                  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|-------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>TUẤN LANH | Khu phố Mao<br>Độc, Phường<br>Phượng Mao, Thị<br>xã Quê Võ, Tỉnh<br>Bắc Ninh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000 | 0270860013<br>93 |
|   |                     |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                     |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                     |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                     |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                     |                                                                                           | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **LÊ ĐĂNG CƯỜNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/08/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027082003226*

Ngày cấp: *08/04/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu phố Bùi Xá, Phường Ninh Xá, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố Bùi Xá, Phường Ninh Xá, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh